THE PASSIVE
SIMPLE TENSES 2

NHỮNG LƯU Ý KHI VIẾT CÂU BỊ ĐỘNG

1. Có thể bỏ by me/ by him/ by her/ by it/ by us/ by you/ by them/ by someone/ by somebody/ by people khi chuyển sang câu bị động.

2. Đặt trạng ngữ chỉ nơi chốn trước by O, trạng ngữ chỉ thời gian sau by O.

S + be + V-3/ed + địa điểm + by O + thời gian

3. Tân ngữ của câu chủ động chỉ có thể làm chủ ngữ của công bị động khi nó là tân ngữ của động từ.
Ví dụ: I caught a fish. => A fish là tân ngữ của động từ caught.
He gives me a book. => Cả me và a book đều là tân ngữ của động từ gives.
The cat lied on the table. => The table là tân ngữ của giới từ on chứ không phải động động từ lied.

4. Động từ trong tiếng Anh chia làm 2 loại: **Nội động từ** và **ngoại động từ**.
Nội động từ: là tự bản thân nó
Ví dụ: smile, cry, ... => những từ này thì câu **không có dạng bị động**.
Ngoại động từ: là tác động lên một vật nào đó
Ví dụ: buy, sell, ... => câu có từ này **sẽ chuyển được sang thể bị động**.

5. Khi câu chủ động có hai tân ngữ ta có thể chuyển thành 2 câu bị động hoặc chọn một trong hai tân ngữ làm chủ ngữ nhưng ưu tiên tân ngữ chỉ người.
Các động từ: ask/ tell/ give/ send/ show/ teach/ pay/ offer... thường có hai tân ngữ.

6. Khi chủ ngữ trong câu chủ động là phủ định (no one, nobody, none of...) thì khi chuyển sang câu bị động, chúng ta chia động từ bị động ở dạng phủ định
Ví dụ: No one wears this skirt. -->This skirt isn't worn

TASK 1: IDENTIFY THE SUBJECTS, VERBS, OBJECTS OF THE VERBS, AND THE TENSES IN THESE SENTENCES. THEN CHANGE IT INTO THE PASSIVE SENTENCES.

Xác định Chử ngữ, Động từ, Tân ngữ và Thì trong mỗi câu sau.Sau đó viết câu bị động.

1. My father waters this flower every morning.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

2. John invited Fiona to his birthday party last night.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

3. Her mother will prepare the dinner in the kitchen.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

LIVEWORKSHEETS

4. We clean our teeth twice a day.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

5. Our teachers will not explain the English grammar again.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

6. Some drivers caused the accident in this city.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

7. Will Tom visit his parents next month?			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

8. The manager didn't phone the secretary this morning.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

9. Did Mary buy this beautiful dress?			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

10. I won't hang these old pictures in the living room.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

11. The German didn't build this factory during the Second World War.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

LIVEWORKSHEETS

12. The Greens will paint these cars before Christmas Day.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

13. Did Ann feed the cats before she went to the cinema?			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

14. The students discussed this problem last week.			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

15. Did the thieves steal the most expensive painting in the museum?			
Subject	Verb	Object	Tense
⇨			

TASK 3: RE-ARRANGE THE GIVEN WORDS/PHRASES TO MAKE MEANINGFUL PASSIVE SENTENCES.

Sắp xếp lại các từ/cụm đã cho bên dưới thành câu bị động.

1. is brought / this dish / to me / by the waiter /.

   This dish is brought to me by the waiter.

2. are sent / these postcards / to us / by our friends /.

   _____

3. were told / they / by their grandmother /this story /.

   _____

4. by him / this train ticket / for Tom's mother / was ordered /.

   _____

5. was shown / her ticket / to the airline agent / by her / .

   _____

6. this cake / yesterday / was baked / by Jim /.

   _____

7. will be bought / a new apartment / by us / next year.

   _____

8. these boxes / the customer / by the shop assistant / was handed / .

   _____

LIVEWORKSHEETS

9. the first prize / was awarded / to the reporter / by the board.

_____

10. to your family / the Christmas cards / Will / be sent / ?

_____

11. the meeting / will be prepared / by Alice / next weekend /.

_____

12. will be given / Anna / by Tom tomorrow / a ride to school / .

_____

13. is kept tidy / this room / all the time / .

_____

14. some bananas / Ann / was given / by us / and some flowers / .

_____

15. was moved / the fridge / by Nick / into the living room /.

_____

LIVEWORKSHEETS